

TÌM HIỂU QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH NHỮNG CỘNG ĐỒNG NGƯỜI NGHIỆP Ở VÙNG VEN BIỂN TỈNH BÌNH THUẬN

PHẠM THỊ PHƯƠNG THANH

Bình Thuận là tỉnh thuộc cực Nam Trung Bộ, có vị trí phía bắc giáp Ninh Thuận, phía tây giáp tỉnh Lâm Đồng, Đồng Nai, tây nam giáp Bà Rịa-Vũng Tàu, đông và đông nam giáp biển Đông, đường bờ biển dài 192km và vùng lãnh hải rộng 52.000km². Từ nhiều thế kỷ trước Bình Thuận đã trở thành điểm dừng chân của nhiều đoàn di dân, chủ yếu là người miền Trung, đến sinh sống và lập nghiệp, trong đó có bộ phận không nhỏ sống tập trung ở ven biển, làm nghề đánh bắt cá và các loại hải sản. Sau vài trăm năm dọc ven biển đã hình thành những cộng đồng ngư dân người Việt gắn bó với nghề biển qua nhiều thế hệ.

1. VÀI NÉT VỀ LỊCH SỬ VÙNG ĐẤT - BÌNH THUẬN

Theo sử sách ghi lại Bình Thuận trước đây thuộc nước Chiêm Thành. *Đại Nam nhất thống chí* viết: “Bình Thuận nguyên xưa là một vương quốc phía ngoài bờ cõi Nhật Nam, sau là đất của Chiêm Thành” (Nhiều tác giả, 2012, tập 1, tr. 659). *Địa chí Bình Thuận* năm 1935 ghi: “tỉnh Bình Thuận ở tốt phía nam xứ Trung Kỳ, vào khoảng giữa đông kinh tuyến 116,5⁰ và 1,18 (longitude - Est) và bắc vĩ tuyến 11,5⁰ và 12,7⁰ (latitude - North)” (Trương Xuân Quảng, 1935, tr. 5).

Bình Thuận trở thành đất của nước Đại Việt khi các đời vua tiến dần về phía Nam. Đời vua Lê Thánh Tông (1460-1497) địa giới của Việt Nam mở đến tỉnh Bình Định. Năm 1611 Nguyễn

Hoàng vào trấn phương Nam mở rộng đến Phú Yên. Năm 1653 mở rộng đến Khánh Hòa (Trương Xuân Quảng, 1935, tr. 2). Đời chúa Nguyễn Phúc Tần (1648-1686) người Việt mở đất đến sông Phan Rang, còn từ sông về phía tây vẫn thuộc nước Chiêm Thành (Nguyễn Đình Đầu, tr. 55). Năm 1692, vùng đất này được đổi thành trấn Thuận Thành. Năm Đinh Sửu (1697), trấn đổi thành phủ Bình Thuận gồm có hai huyện là An Phước và Hòa Đa. Sau đó, lại đổi thành dinh Bình Thuận gồm các đạo Phan Rang, Phan Thiết, Ma Li, Phố Hải. Tên gọi Bình Thuận đã xuất hiện từ đây. Địa giới Bình Thuận lúc này trải dài từ phía nam sông Phan Rang trở vào đến giáp Biên Hòa.

Dưới thời nhà Nguyễn, vùng đất Bình Thuận tiếp tục được chia tách, sáp nhập, đến đầu thế kỷ XX tỉnh Bình Thuận gồm 2 phủ Hàm Thuận, Hòa

Đa và 4 huyện Tuy Phong, Phan Lý Chàm, Tuy Định (tức Hàm Tân hiện nay) và Tánh Linh.

Sau năm 1954, 2 huyện Tánh Linh và Hàm Tân (tức Tuy Định) của tỉnh Bình Thuận được chia tách và lập thành tỉnh Bình Tuy. Sau ngày 30/4/1975, 3 tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận, Bình Tuy hợp lại thành tỉnh Thuận Hải (Nguyễn Đình Đầu, 1996, tr. 57). Từ cuối năm 1991 đến nay, tỉnh Thuận Hải lại được chia thành 2 tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận.

Trên vùng đất Bình Thuận có khoảng 8 sắc dân đã sinh sống từ lâu đời tại đây, gồm các dân tộc Chăm, Mơ Nông, Chil (Kil), Bu Nơr, Nông, Mạ (Chô Mạ), Stiêng; người Kinh chỉ có mặt cách nay khoảng 3 - 4 thế kỷ (Nguyễn Đình Đầu, 1996, tr. 80). Hiện nay, toàn tỉnh Bình Thuận có khoảng 34 dân tộc cùng sinh sống, đông nhất là người Kinh, sau đó đến người Chăm, người Hoa⁽¹⁾...

Như vậy, lịch sử vùng đất Bình Thuận cho đến khi có tên “Bình Thuận” là một quá trình lâu dài, trải qua nhiều lần chia tách, sáp nhập, đổi tên, mở rộng, thu hẹp... Địa giới Bình Thuận ban đầu có diện tích rất rộng lớn, trải dài từ Khánh Hòa vào đến giáp Biên Hòa, ở phía tây có thời kỳ bao gồm cả một số vùng đất nay thuộc Tây Nguyên, rồi thu hẹp lại dần. Cho đến nay, tỉnh Bình Thuận chỉ còn 7 huyện (Tuy Phong, Bắc Bình, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam, Hàm Tân, Đức Linh, Tánh Linh), thị xã LaGi, thành phố Phan Thiết và huyện đảo Phú Quý (cách thành phố Phan Thiết 120km).

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT LÀM NGHỀ BIỂN Ở BÌNH THUẬN

Cư dân Bình Thuận hình thành từ quá trình tụ cư của nhiều lớp người Việt di cư trong hơn 300 năm lịch sử. Có thể chia quá trình đó thành các giai đoạn sau:

2.1. Giai đoạn từ thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XIX

Quá trình người Việt di cư về phía Nam đã diễn ra từ rất sớm cùng với việc mở cõi về phía Nam của các triều đại phong kiến Đại Việt từ thời nhà Lý. Song thời điểm này chủ yếu là di cư xuống vùng Bắc Trung Bộ và Trung Trung Bộ. Chưa thấy có nguồn tài liệu nào cho thấy lúc này đã có người Việt vào định cư tại Bình Thuận. Quá trình di cư này chỉ diễn ra từ sau thế kỷ XVII, gắn liền với những biến động của lịch sử Việt Nam trong giai đoạn này. Đó là sự hình thành cục diện chia cắt đất nước thành Đàng Trong và Đàng Ngoài và cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn từ năm 1627 đến năm 1672.

Chiến tranh đã khiến cho đời sống của người dân vùng Bắc Trung Bộ bị ảnh hưởng nghiêm trọng, trong khi đó ở phía Nam, chúa Nguyễn thực hiện nhiều chính sách khuyến khích di dân. Vì vậy, nhiều nông dân nghèo đã di cư vào Đàng Trong, trong đó có đất Bình Thuận. Một bộ phận tù binh chiến tranh cũng được chúa Nguyễn đưa về đây khai khẩn.

Những địa điểm định cư đầu tiên của người Việt khi đến Bình Thuận là ở Bình Thạnh, Bình Thiện, Quán Thí,

Hòn Nghè, Mũi Né, Xóm Trạm, Kim Thạnh, Xóm Rẫy, Vạn Cây Găng (Đình Hy, 2004, tr. 10)..., đó là những bãi ngang, cửa biển tuy hoang vu nhưng có nước ngọt, nhiều cá, dễ làm ăn hơn so với nguyên quán Đàng Ngoài khắc nghiệt, cực khổ. Cư dân quần tụ vùng này trước hết là những người có nghề chài lưới, đánh cá ven biển.

Ngoài các vùng ven biển trên đất liền, thì đảo Phú Quý cách đất liền khoảng 120km cũng là nơi được di dân Việt lựa chọn vì hòn đảo ở xa đất liền, ít chịu ảnh hưởng bởi chiến tranh, có nguồn nước ngọt dồi dào, đất đai màu mỡ, vùng nước xung quanh nhiều tôm, cá, thuận lợi để họ có thể sống bình yên bằng hai nghề trồng trọt và đánh cá.

Trên đảo vẫn tương truyền một câu chuyện rằng vào cuối thế kỷ XVI - đầu thế kỷ XVII, có ngư dân miền Trung đi đánh cá chuồn ở Cù lao Ré (đảo Lý Sơn - Quảng Ngãi bây giờ) gặp giông bão, bị trôi dạt đến đảo Phú Quý. Trước khi rời đảo về quê, họ đã bỏ lại những gấu khoai và khi trở lại những gấu khoai kia đã phát triển tươi tốt, cho những củ khoai to, ngon. Thấy điều kiện sống thuận lợi, các ngư dân đã về quê đưa gia đình đến đảo sinh cơ lập nghiệp (Nguyễn Xuân Lý, 2006, tr. 7).

Di cư đến đảo còn có một lớp người khác đó là những ngư dân vùng Ngũ Quảng khi đi biển bị trôi dạt vào đảo, không có phương tiện trở về nên đã ở lại đảo sinh sống. Cùng thời gian này, do cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn

liên miên nên nhiều nhóm ngư dân miền Trung Trung Bộ trên đường đi lánh nạn cũng đến đảo Phú Quý ẩn náu, lập kế sinh nhai. Họ được cho là tổ tiên của lớp ngư dân vạn chài An Thạnh thờ thần Nam Hải tại làng Triều Dương, vào đây khoảng năm Tân Sửu 1781 (Sở Văn hóa-Thông tin Bình Thuận, 2006, tr. 203)

Hiện nay các tài liệu nghiên cứu về địa phương đều cho rằng những ngư dân đầu tiên đến định cư ở Bình Thuận đều có quê quán từ Trung Trung Bộ. Chẳng hạn: qua nghiên cứu gia phả ở Phan Thiết thì dân biển Đức Thắng, Đức Nghĩa, Bình Hưng, Phú Trinh có quan hệ dòng họ với Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên và Thừa Thiên. Dân biển Phan Rí có quan hệ dòng họ với Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định. Dân biển LaGi có quan hệ dòng họ với Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên... Mức độ huyết thống đậm nhạt khác nhau nhưng đa số ngư dân Thạch Long, Mũi Né đều có nguyên quán tại Quảng Nam. Ngư dân Hàm Tân cũng có mối quan hệ tương tự. Làng biển Bình Thạnh hiện có 4 dòng họ lớn: Lê, Nguyễn, Huỳnh, Phạm quê gốc Quảng Nam đến nay đã 9 đời (Đình Hy, 2004, tr. 13).

Cách đặt tên vạn làng cũng phản ánh gốc gác của các ngư dân. Ở Phan Thiết, phường Đức Nghĩa có Vạn Nam Nghĩa, quê gốc Quảng Nam, Quảng Ngãi. Phường Đức Thắng có Vạn Thủy Tú, một trong những vạn chính của vùng biển Bình Thuận có tên trùng với một làng vùng biển Nam Ô

thuộc Quảng Nam - Đà Nẵng. Thị trấn biển Phan Rí có Vạn Nam Phú quê gốc Nam, Ngãi, Bình; có Phú Vạn Nam Thuận Thanh quê gốc làng Song Thanh thuộc Quảng Nam. Ở đảo Phú Quý, địa danh các làng Mỹ Khê, Hội An, Hội Hưng, Triều Dương, Thoại Hải, An Hòa, Phú Mỹ, Hải Châu... cũng mang dấu ấn làng quê Bắc và Trung Trung Bộ (Đình Hy, 2004, tr. 13).

Ngư dân ở đảo Phú Quý cũng có nguồn gốc Trung Bộ: “Theo đơn từ xin lập ấp Quý Thạnh, có thể nói chính xác một bộ phận cư dân sinh sống ở đảo Phú Quý vốn quê ở Bình Định và Quảng Ngãi, trong đơn ghi rõ: ‘tổ phụ chúng tôi xưa kia vốn có nguyên quán tại hai phủ Bình Định và Quảng Ngãi, gặp mùa đói kém nên phiêu bạt đến ngụ ở xứ Cù lao Khoai khai phá vùng đất hoang nhàn. Sau này có lời truyền là 50 nóc nhà lập thành một ấp, ông cha chúng tôi đã đăng bộ vào xứ ấy là làng Thương Hải để nộp thuế hàng năm’. Ở một chính điện thuộc vạn Quý Thạnh vẫn còn một liễn đối cho biết nguồn gốc cư dân đang sống ở Phú Quý: ‘Nguyên chính phần Nghĩa Bình thử xứ, tái định cư Quý Thạnh lập thành’ (Nguyên nguồn cội ở đất Nghĩa Bình, tái định cư lập ấp Quý Thạnh)” (Nguyễn Xuân Lý, 2006, tr. 9).

Nhiều hộ gia đình có truyền thống làm nghề biển tuy không nhớ quê gốc của ông cha mình, nhưng họ cũng kể rằng tổ tiên sống ở miền Trung, Nghệ An, Hà Tĩnh hay vùng Ngũ Quảng gì đó, không biết di cư vào khi nào, chỉ nhớ thời ông bà đã ở Bình Thuận và làm nghề biển⁽²⁾.

Những người Việt di cư ban đầu tụ họp nhau thành những nhóm nhỏ, sau đông dần và quy tụ thành xóm ấp, vạn làng. Là vùng đất nổi tiếng “cá tìm người” nên những di dân nhanh chóng ổn định cuộc sống bằng nghề biển. Khi dân cư đông đúc hơn và nhìn thấy nghề cá phát triển ở vùng đất này, khoảng thời thế kỷ XVII nhà Nguyễn thành lập các đội hải môn đánh bắt hải sản phục vụ triều đình và ban hành các sắc thuế nghề cá. Theo *Phủ biên tạp lục*: “Phủ Bình Thuận, Vụng Vị Nai (Mũi Né) hàng năm đóng thuế 176 quan 6 tiền, 2 sớ Hòn Chông, Vụng Găng đóng 1.000 quan”, “Phủ Bình Thuận, phường Đông An, 75 người nộp đầu cá 75 vò (tỉn) thay sưu lính, có đội hàm thủy 50 người, trong đó hàng năm 30 người nộp 90 lượng nước mắm, 20 người nộp 40 vò mắm mò, 20 thùng mắm ướp, được miễn trừ sai dư, tiếp liệu, sưu lính” (dẫn theo Đình Hy, 2004, tr. 11). Như vậy, lúc bấy giờ người Việt đã phát triển nghề câu, nghề lưới và chế biến nhiều loại hải sản, như dầu cá, nước mắm, mắm mò, mắm ướp...

Sang thế kỷ thứ XVIII, nhà Nguyễn đẩy mạnh việc di dân bằng các chính sách khuyến khích, như miễn thuế, miễn tạp dịch, miễn đi lính trong vòng 3 năm đầu để tập trung khai khẩn lập ấp. Vì vậy di dân vào vùng đất Bình Thuận ngày một đông, làm cho dân số các bãi ngang và cửa biển tăng lên. Lúc này, người Việt đã dùng thuyền buồm để đánh bắt trên biển, trên sông bằng nghề câu, nghề lưới. Cuộc sống sung túc với nghề biển đã biến những

vùng định cư của người Việt ở La Gàn, Phan Rí, Mũi Né, Phú Hải, Phan Thiết, LaGi thành những thị trấn sầm uất.

Lưu giữ văn hóa truyền thống của quê gốc ở nơi lập nghiệp, người Việt lập nên các đình làng, lăng vạ, chùa chiền tại nơi định cư mới. Những thiết chế văn hóa gắn liền với quá trình hình thành, phát triển của cộng đồng làng xã người Việt ở Bình Thuận hiện nay vẫn còn được bảo tồn, như đình làng Xuân An ở Phan Rí, Chợ Lầu (1794), đình Xuân Hội (1803), đình làng Đức Thắng (1816), đình làng Đức Nghĩa (giữa thế kỷ XIX) ở Phan Thiết, Linh Quang Tự (1747) ở đảo Phú Quý... Những đình làng này là nơi thờ cúng thần hoàng bản cảnh, các vị tiền hiền, hậu hiền có công với làng...

Một đối tượng thờ cúng quan trọng nhất với cộng đồng ngư dân ven biển là thờ cúng cá voi - Ông Nam Hải - mà theo dân gian đây là vị thần cư mang những người làm nghề biển. Các dinh vạ được xây dựng từ rất sớm, như Dinh Vạ Thủy Tú ở làng Đức Thắng (Phan Thiết) xây dựng năm Nhâm Ngọ (1762), được xem là có niên đại sớm nhất, nơi thờ tự thủy tổ nghề biển ở Bình Thuận. Trên đảo Phú Quý có Vạ An Thạnh xây dựng năm Tân Sửu (1781) đánh dấu sự có mặt của một bộ phận dân cư trên đảo.

Như vậy, sau gần hai thế kỷ, nhiều lớp lưu dân người Việt đã đến lập làng, làm cho vùng đất ven biển này không ngừng biến đổi - người Chăm trở thành thiểu số so với người Việt tăng dần lên. Vùng đất Bình Thuận ven biển

vốn hoang vu sinh lầy, xóm làng thưa thớt, rừng rú rậm rạp, nơi ẩn náu của nhiều loài thú dữ, đã được những người dân cùng chung hoàn cảnh tha phương cầu thực đoàn kết, giúp đỡ nhau xây dựng thành những xóm làng. Xóm nhỏ ban đầu là những lều, chòi bằng tre, lá đơn sơ. Đông đúc nhất vẫn là các vạ, chài ở các cửa sông, cửa biển, bãi ngang. Tên đất ban đầu rất mộc mạc gắn với đặc điểm làm ăn của mỗi nơi, như: xóm Cầu, xóm Chĩ (xe chỉ dệt lưới), xóm Bánh tráng, xóm Lụa... hoặc gắn với cảnh vật thiên nhiên, như suối Nước, bãi Sau, khe Cả, khe Gà, động Đò... (Sở Văn hóa-Thông tin tỉnh Bình Thuận, 2006, tr. 560). Nghề nghiệp kiếm sống của họ lúc này là làm ruộng, nghề thủ công và phần lớn là làm dịch vụ nghề biển, chế biến hải sản, như đóng thuyền (thuyền nan, thuyền ván), đan thúng chai, đánh dây neo sòng lá, neo lá dừa, nhợ cây, dệt đệm, buồm bằng lá buông, khai thác chai cục, dầu rái, làm muối, làm tĩn, đóng thùng nước mắm, đan giỏ cá hấp... (Sở Văn hóa-Thông tin tỉnh Bình Thuận, 2006, tr. 481).

2.2. Giai đoạn cuối thế kỷ XIX đến năm 1975

Sang nửa cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Bình Thuận tiếp tục đón nhận thêm những dòng người di cư khác trong hoàn cảnh đất nước bị xâm lược và có chiến tranh. Khi Nam Kỳ bị thực dân Pháp chiếm đóng, Bình Thuận với vị trí nằm giáp ranh Nam Kỳ trở thành điểm đến của dòng người di cư gồm các nhà nho "tị địa", dân thường. Đất Hàm Tân giáp Biên Hòa là nơi có

những người đến ẩn náu, rồi khai phá lập nên các làng Phong Điền, Đức Lộc, Phước Thắng... Những vùng còn hoang vu như Tánh Linh cũng quy tụ nhiều người từ Nam Kỳ đến khai khẩn lập đồn điền. Trong lúc này thì ở phía bắc của Bình Thuận, những dòng người từ miền Trung vẫn tiếp tục đổ về đây với nhiều nguyên nhân khác nhau, tập trung ở Phan Thiết, Phan Rí... biến nơi đây trở thành những thị tứ, phố chợ tấp nập, trên bến dưới thuyền. Dân cư tụ tập ngày càng đông, những người đến sau không còn đất cũng vẫn bám nơi này sinh sống. Họ dựng tạm những chòi bằng tre phủ lá tranh để che mưa nắng qua ngày, thường quen gọi là “khum”. Người dân thì chặt cây đóng tạm những cái chòi trên mép nước thành những xóm “nhà chồ” (Đình Hy, 2004, tr. 13).

Đến năm 1943, toàn tỉnh Bình Thuận lúc này có diện tích khoảng 6.000km², dân số khoảng 145.900 người, trong đó, người Việt chiếm khoảng 70% (Sở Văn hóa-Thông tin tỉnh Bình Thuận, 2006, tr. 109). Lúc này, nghề đánh bắt và chế biến hải sản phát triển mạnh. “Theo báo cáo của Công sứ Phan Thiết từ tháng 6/1926 đến tháng 6/1927, cho biết chế biến nước mắm, làm mắm cá, hấp cá và cá khô là những công nghệ chủ yếu của Bình Thuận. Người ta có thể đánh giá số lượng sản xuất vào Nam Kỳ mỗi quý là 12.000.000 lít nước mắm và 1.500.000 ký cá khô” (Đình Hy, 2004, tr. 14).

Sau năm 1954, người dân di cư vào Bình Thuận có 2 bộ phận là người

Công giáo di cư từ Bắc vào Nam và người di cư từ miền Trung theo chính sách dinh điền của chế độ Sài Gòn. Khi vào Bình Thuận, những người gốc gác nghề biển sống quần tụ trong những làng ven biển, xây dựng nhà thờ và gắn bó với vùng đất này cho đến ngày nay. “Theo tài liệu cũ, tỉnh Bình Thuận có 17 trại định cư được sáp nhập vào hành chính địa phương, trong đó, Phan Thiết có Phú Hải, Bình Hưng, Hưng Long, Thanh Hải, Vĩnh Thủy; Tuy Phong có Phan Rí Cửa A, B... và có một số điểm ở LaGi Hàm Tân. Bộ phận dân cư này gồm hơn 10.000 người... Bên cạnh đó, các cuộc cưỡng ép di dinh điền của ngụy quyền trong những năm 1960 - 1962 cũng làm tăng dân số vùng biển Bình Thuận, Bình Tuy...” (Đình Hy, 2004, tr. 15-16).

Khi chiến tranh nổ ra thì dân số Bình Thuận tăng nhanh về mặt cơ học do nhiều nguyên nhân. Năm 1970, sau cuộc đảo chính ở Campuchia, 5.000 Việt kiều đã chạy về Hàm Tân sinh sống và lập nghiệp. Trong những năm 1972 - 1973, chính quyền Sài Gòn có chính sách dồn dân về các tỉnh phía Nam nên hàng chục ngàn người đã vào Bình Thuận sinh sống, đông nhất là Hàm Tân với 25.000 người (chiếm gần 40% dân số của huyện lúc này) (Sở Văn hóa-Thông tin tỉnh Bình Thuận, 2006, tr. 111). Ngoài ra, qua tìm hiểu (phỏng vấn) thì thấy rằng nhiều gia đình ngư dân miền Trung nhất là xứ Quảng, cũng chạy vào Bình Thuận trong thời gian này do chiến tranh ác liệt. Sau đó, họ lập gia đình, theo nghề

biển và định cư tại vùng đất này cho đến nay⁽³⁾.

2.3. Giai đoạn từ sau năm 1975 đến nay

Sau năm 1975, tuy không còn những đợt di dân ồ ạt như các giai đoạn trước, song Bình Thuận vẫn tiếp nhận một bộ phận người dân di cư vào lập nghiệp sinh sống, vì nhiều nguyên nhân, như chuyển công tác, khó khăn ở chốn quê cũ và tìm một nơi khác làm ăn, đi lập khu kinh tế mới theo chính sách di dân của nhà nước... Nghề biển tại Bình Thuận vẫn thu hút một bộ phận dân cư đến làm ăn, sinh sống, làm cho cộng đồng cư dân nghề biển ngày thêm đông đúc. Hoạt động nghề biển cũng mở rộng, ngoài những ngư dân trực tiếp đánh bắt hải sản và những cư dân làm những công việc gián tiếp như: thu mua, chế biến hải sản, đóng, sửa chữa tàu thuyền, làm muối, làm nước mắm, đan lưới, buôn bán ngư cụ, thì còn xuất hiện thêm các nghề nghiệp khác như nuôi trồng hải sản, dịch vụ du lịch biển...

3. KẾT LUẬN

Như vậy, có thể nói quá trình hình thành cộng đồng ngư dân ở tỉnh Bình

Thuận gắn liền với quá trình di dân của người Việt vào địa phương này trong suốt tiến trình lịch sử hơn 300 năm kể từ khi vùng đất có tên gọi “Bình Thuận”. Những ngư dân hiện nay của địa phương hầu hết là dân di cư qua nhiều thời kỳ, mà những lớp người đầu tiên và chủ yếu là người miền Trung.

Trải qua nhiều thế kỷ, từ những ngư dân đầu tiên sinh sống, lập nghiệp bằng nghề đánh bắt cá, đã hình thành nên những làng xóm dân cư đông đúc ven biển và đảo. Cuộc sống sinh nhai và đời sống văn hóa - tín ngưỡng của họ gắn liền với biển. Theo thời gian, cùng với sự mở rộng của cộng đồng cư dân, nghề biển cũng trở nên phong phú hơn: đánh bắt cá, làm muối, nuôi trồng và chế biến hải sản, dịch vụ thu mua, hậu cần nghề biển, đóng tàu thuyền, dịch vụ du lịch...

Sự quản tụ và tăng trưởng của các cộng đồng cư dân nghề biển ở tỉnh Bình Thuận cho thấy biển là một thế mạnh rất lớn của tỉnh, nhưng đồng thời cũng đặt ra nhiều vấn đề về phát triển bền vững hiện nay và trong tương lai. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ <http://binhthuan.vietccr.vn/xem-tong-quan/tinh-binh-thuan-default.html>

⁽²⁾ Phỏng vấn ông M.V.N, Phú Quý: “Nghe bố nói gốc gia đình từ vùng Ngũ Quảng vào”; ông P.Q.P, Phú Quý: “Từ đời ông bà đã ở đảo, không biết quê ở đâu. Dòng họ Phạm trên đảo khá đông”; ông N.C, Phú Quý: “Nghe ông bà xưa nói quê gốc ở Bình Định. Thời ông nội đã ở đây”.

⁽³⁾ Phỏng vấn ông N.V.T, LaGi: “Gốc gia đình ở Quảng Ngãi. Bố dẫn vào Bình Tuy năm 1969 do ở Quảng Ngãi chiến tranh ác liệt... vợ cũng quê Quảng Ngãi... gia đình đi biển từ thời ông nội”; ông H.T, LaGi: “Gia đình quê gốc ở Quảng Trị. Năm 1963 vào Sài Gòn do chiến tranh ác liệt nên theo người thân vào. Năm 1977 ra Bình Tuy và làm biển do biết có người cùng quê di dân ra đây từ năm 1972”.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đinh Hy. 2004. *Chuyên đề một số vấn đề cấp bách về văn hóa - xã hội cư dân vùng biển Bình Thuận (1991 - 1993)*. Bình Thuận: Xí nghiệp in Bình Thuận.
2. Nhiều tác giả. 2012. *Đại Nam nhất thống chí*. Hà Nội: Nxb. Lao động.
3. Sở Văn hóa-Thông tin tỉnh Bình Thuận. 2006. *Địa chí Bình Thuận*. Bình Thuận: Xí nghiệp in Bình Thuận.
4. Trương Xuân Quảng, Nguyễn Xuân Ích (dịch). 1935. *Địa chí tỉnh Bình Thuận*. Bình Thuận: Nha học Chánh Bình Thuận.